

Phụ lục IV
BẢNG KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC VÙNG NUÔI TÔM THƯỜNG PHẨM VÀ SẢN XUẤT GIỐNG - XÃ PHƯỚC
THẮNG, XÃ LONG ĐIỀN, XÃ PHƯỚC HẢI, XÃ HỒ TRÀM, PHƯỜNG LONG HƯƠNG

(Ngày lấy mẫu 28/7/2026)

(Đính kèm Thông báo số /TB-CCTSKN ngày tháng 8 năm 2026 của Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư Thành phố Hồ Chí Minh)

KẾT QUẢ	CHỈ TIÊU HÓA LÝ									CHỈ TIÊU VI SINH
	Độ kiềm (mgCaCO ₃ /l)	NO ₂ - (mg/l)	NH ₄ -N (mg/l)	PO ₄ ³⁻ (mg/l)	TSS (mg/l)	COD (mg/l)	Độ mặn (‰)	DO (mg/l)	pH	<i>Vibrio tổng số</i> (CFU/ml)
GIỚI HẠN CHO PHÉP	80 - 120 (sú) 100-200 (thể chân trắng)	≤1,0	≤3	≤0,15	≤100	≤20	7 - 25	5 - 9	7,5 - 8,5	< 1,000
Sông Dinh	90,4	0,033	0,327	0,06	14,5	3,3	26,2	5,2	7,74	160
Cầu Cỏ May	86,3	0,082	0,537	0,075	14,0	5,0	18,9	5,6	7,68	1,800
Nhánh sông Mũi Nhái	103,6	0,058	0,168	0,032	26,0	4,3	31,3	5,5	7,89	1,500
Cống gần nhà ông Mười Bạch	113,7	0,111	1,051	0,067	22,5	12,8	24,4	6,9	7,74	1,500
Bún Cây Xanh	93,4	0,06	0,725	0,132	15,0	6,5	25,3	5,9	7,77	3,000
Ngã 3 Sông Hỏa – Sông Ray	82,2	0,066	0,316	0,054	12,5	8,2	1,7	5,7	7,68	140
Cầu Bà Đáp	60,9	0,05	1,385	0,045	14,0	10,6	0,8	5,5	7,54	2,700
Cầu Sông Ray	88,3	0,054	0,32	0,069	12,5	11,5	9,2	6,1	7,8	3,500
Cống số 02	89,3	0,043	0,473	0,074	9,5	4,1	25,1	5,1	7,65	150
Cống gần nhà ông Chuyên	94,4	0,032	0,358	0,058	14,5	4,1	26,3	6,3	7,76	590

Ghi chú:

- Tham chiếu TCVN 13656: 2023 Nước nuôi trồng thủy sản - Chất lượng nước nuôi thâm canh tôm sú, tôm thẻ chân trắng.
- KPH: Không phát hiện

CHI CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH